

Bản án số: **153/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/5/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hải Thị Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Hòa

2. Ông Trần Công Danh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Tấn Nhứt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Minh H, sinh năm 1989

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Anh K, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: 1505/4, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ

(Anh H, chị K có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Trương Minh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Trần Thị Anh K tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Đ. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, mâu thuẫn không thể hàn gắn được do đó đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị K.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trương Hoàng H1, sinh ngày 12/11/2018. Ly hôn anh H đồng ý giao cháu H1 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Bị đơn chị Trần Thị Anh K tại bản tự khai trình bày:

Chị và anh H tự nguyện kết hôn, sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh gay gắt và đã sống ly thân. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị K đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trương Hoàng H1, sinh ngày 12/11/2018. Ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Anh Trương Minh H yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị K là có cơ sở chấp nhận vì cả anh H và chị K đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai vợ chồng đều đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trương Hoàng H1, sinh ngày 12/11/2018. Ly hôn, anh H đồng ý để chị K trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, đồng thời chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, việc giao con cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn anh Trương Minh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Anh K căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định anh Trương Minh H là nguyên đơn, chị Trần Thị Anh K là bị đơn trong vụ án.

Bị đơn chị Trần Thị Anh K đăng ký thường trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn anh Trương Minh H và bị đơn chị Trần Thị Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị K.

[3] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh H và chị Trần Thị Anh K tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T), thành phố B, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 2017. Áp dụng vào Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, anh H xác định không còn tình cảm với chị K, do hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh H và chị K đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đã sống ly thân, cả hai đều đồng ý ly hôn không muốn hàn gắn tình cảm. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của anh H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh H và chị K có 01 con chung là Trương Hoàng H1, sinh ngày 12/11/2018. Ly hôn, anh H đồng ý giao cháu H1 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chị K có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cháu H1 đang sống cùng chị K. Do vậy, giao cháu H1 cho chị Trần Thị Anh K trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Trương Minh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Minh H đối với bị đơn chị Trần Thị Anh K về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Minh H, sinh năm 1989 được ly hôn với chị Trần Thị Anh K, sinh năm 1989.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Trương Hoàng H1, sinh ngày 12/11/2018 cho chị Trần Thị Anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Trương Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh H thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết

một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Trương Minh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh H đã nộp theo biên lai thu số 0007899 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Trương Minh H và chị Trần Thị Anh K được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hải Thị Liễu